

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định Cơ sở dữ liệu về di cư

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2014/QH13 và Luật số 79/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2019/QH14, Luật số 23/2023/QH15 và Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 01/2021/QH15 và Luật số 138/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2023/QH15 và Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu về di cư.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về xây dựng, tạo lập, cập nhật, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về di cư; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu về di cư; cung cấp, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về di cư; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở dữ liệu về di cư là tập hợp thông tin, dữ liệu về di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài và người nước ngoài vào Việt Nam; được xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất nhằm thu nhận, tạo lập, lưu trữ, cập nhật, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật về di cư.

2. Di cư là sự di chuyển của một cá nhân qua biên giới quốc gia để đến một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác, dẫn tới việc thay đổi quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi cư trú. Việc xác định tình trạng di cư được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

3. Hồ sơ di cư điện tử là tập hợp thông tin, dữ liệu điện tử về một lần di cư của cá nhân được xác định có tình trạng di cư, được hình thành, cập nhật và quản lý trong Cơ sở dữ liệu về di cư.

4. Ánh xạ là quá trình thiết lập mối liên kết, tương thích giữa các trường thông tin, cấu trúc dữ liệu được chia sẻ từ các nguồn dữ liệu và cấu trúc dữ liệu tương ứng của Cơ sở dữ liệu về di cư để tạo lập, cập nhật dữ liệu về di cư và hình thành hồ sơ di cư điện tử mà không làm thay đổi dữ liệu tại nguồn.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về di cư

1. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về di cư phải tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh dữ liệu, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu về di cư được xây dựng phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung; sử dụng thống nhất Danh mục dữ liệu dùng chung quốc gia theo quy định của pháp luật về dữ liệu; đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật. Siêu dữ liệu (metadata) của Cơ sở dữ liệu về di cư được quản lý, đăng ký, cập nhật theo quy định của pháp luật, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia và Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia.

3. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư phải được tạo lập, cập nhật, quản lý bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất, đồng bộ; kế thừa, sử dụng lại dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan, không tạo lập lại dữ liệu đã được cơ quan có thẩm quyền tạo lập, quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Việc thu nhận, cập nhật dữ liệu phải giới hạn trong phạm vi cần thiết phục vụ quản lý nhà nước về di cư và phù hợp với mục đích xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu về di cư; việc khai thác, sử dụng dữ liệu phải tuân thủ quy định về phân quyền truy cập, đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đúng phạm vi theo quy định của pháp luật.

5. Việc quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về di cư phải bảo đảm tính liên tục, ổn định và khả năng kiểm tra, giám sát, truy xuất, xác định trách nhiệm trong quá trình xử lý dữ liệu.

Điều 5. Kinh phí bảo đảm cho việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về di cư

1. Kinh phí thực hiện việc xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về di cư được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Chương II

**XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC, SỬ DỤNG
CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ DI CƯ**

Mục 1

XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ DI CƯ

Điều 6. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư

1. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư bao gồm:

a) Dữ liệu phản ánh thông tin cơ bản của cá nhân: họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; nơi sinh; nơi đăng ký khai sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch; số định danh cá nhân; số, loại giấy tờ tùy thân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; tình trạng khai báo tạm vắng; chết; mất tích;

b) Dữ liệu phản ánh thông tin về nhập, thôi, trở lại, bị tước quốc tịch Việt Nam; nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại;

c) Dữ liệu phản ánh thông tin về việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch có liên quan đến thông tin đã được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về di cư;

d) Dữ liệu phản ánh thông tin về trình độ và nghề nghiệp: trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, nghề nghiệp;

đ) Dữ liệu phản ánh thông tin về xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú: ngày xuất cảnh, ngày nhập cảnh; cửa khẩu nhập cảnh; cửa khẩu xuất cảnh; thẻ tạm trú; thẻ thường trú;

e) Dữ liệu phản ánh thông tin về công dân Việt Nam đi làm việc, học tập ở nước ngoài; người nước ngoài làm việc, học tập tại Việt Nam; kết hôn có yếu tố nước ngoài; nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; thông tin về thị thực, thẻ miễn thị thực đặc biệt và các thông tin khác theo quy định của pháp luật được sử dụng làm căn cứ xác định mục đích di cư;

g) Dữ liệu phản ánh thông tin về nguồn gốc Việt Nam: thông tin xác nhận là người gốc Việt Nam; thông tin về giấy miễn thị thực đối với người gốc Việt Nam; thông tin khác về nguồn gốc Việt Nam theo quy định của pháp luật;

h) Dữ liệu phản ánh thông tin về bảo hộ công dân, nạn nhân bị mua bán, vụ việc lãnh sự, chứng nhận lãnh sự có liên quan đến cá nhân trong quá trình di cư;

i) Dữ liệu về tình trạng di cư và quá trình di cư của cá nhân: thời điểm bắt đầu, kết thúc từng lần di cư; quốc gia, vùng lãnh thổ nơi đến đối với công dân Việt Nam; mục đích di cư và thời điểm thay đổi mục đích di cư;

k) Dữ liệu thống kê, tổng hợp, phân tích, dự báo được hình thành trên cơ sở dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư phục vụ quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách và xây dựng pháp luật về di cư.

2. Dữ liệu quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này được thu nhận, ánh xạ, cập nhật từ các nguồn dữ liệu theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

3. Dữ liệu quy định tại điểm i khoản 1 Điều này được tạo lập, cập nhật trong Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

4. Dữ liệu quy định tại điểm k khoản 1 Điều này được hình thành trên cơ sở tổng hợp, thống kê, phân tích dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư.

5. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết trường thông tin, cấu trúc dữ liệu và cấu trúc thông điệp dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về di cư phù hợp với quy định của pháp luật về dữ liệu và Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, trên cơ sở phối hợp, thống nhất với các bộ, cơ quan là cơ quan chủ quản dữ liệu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu về di cư. Trường hợp pháp luật chuyên ngành sửa đổi, bổ sung thông tin, dữ liệu thuộc các nhóm dữ liệu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, Bộ Ngoại giao thống nhất với cơ quan chủ quản dữ liệu việc áp dụng thông tin, dữ liệu theo quy định mới của pháp luật chuyên ngành, không làm mở rộng phạm vi dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Nguồn dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về di cư

1. Dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này được thu nhận, ánh xạ, cập nhật từ các nguồn sau đây:

a) Dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; Cơ sở dữ liệu hộ tịch; Cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Cơ sở dữ liệu người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; Cơ sở dữ liệu nạn nhân bị mua bán; Cơ sở dữ liệu về quốc tịch; dữ liệu về xác nhận là người gốc Việt Nam; dữ liệu về cấp giấy miễn thị thực đối với người gốc Việt Nam; dữ liệu về con nuôi có yếu tố nước ngoài; Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; dữ liệu về người nước ngoài học tập tại Việt Nam; dữ liệu về chứng nhận lãnh sự; Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức;

b) Dữ liệu phát sinh trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện hoạt động quản lý nhà nước, thực hiện chế độ báo cáo, thống kê có liên quan đến quản lý nhà nước về di cư mà chưa thuộc các nguồn dữ liệu quy định tại điểm a khoản này;

c) Dữ liệu phát sinh từ các nền tảng số dùng chung quốc gia, nền tảng, ứng dụng phần mềm nghiệp vụ có liên quan đến quản lý nhà nước về di cư và dữ liệu được số hóa từ hồ sơ, tài liệu của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật mà chưa thuộc các nguồn dữ liệu quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

d) Dữ liệu do cơ quan, tổ chức cung cấp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với phạm vi dữ liệu quy định tại Điều 6 Nghị định này và mục đích xây dựng, quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu về di cư.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là nguồn dữ liệu gốc đối với thông tin nhân thân, định danh của công dân; Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh là nguồn dữ liệu gốc đối với thông tin xuất cảnh, nhập cảnh. Dữ liệu từ các nguồn quy định tại khoản 1 Điều này được thu nhận, ánh xạ, cập nhật để phục vụ xác định tình trạng di cư, tạo lập dữ liệu về di cư, hình thành và cập nhật hồ sơ di cư điện tử theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Trường hợp tên gọi của nguồn dữ liệu hoặc tên gọi, nội dung nhóm thông tin quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này có sự thay đổi theo pháp luật chuyên ngành thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó, bảo đảm không làm mở rộng phạm vi dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

Điều 8. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu về di cư

1. Dữ liệu từ các nguồn quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 7 Nghị định này được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về di cư thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu để phục vụ quản lý nhà nước về di cư. Đối với dữ liệu từ các nguồn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này, phạm vi dữ liệu và tần suất kết nối, chia sẻ được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Đối với dữ liệu từ các nguồn quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 7

Nghị định này chưa được xác định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, Bộ Ngoại giao phối hợp với cơ quan chủ quản dữ liệu xác định phạm vi dữ liệu và tần suất kết nối, chia sẻ, bảo đảm phù hợp với phạm vi dữ liệu quy định tại Điều 6 Nghị định này và yêu cầu quản lý nhà nước về di cư.

2. Trường hợp dữ liệu từ các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này đã được kết nối, chia sẻ, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia thì Trung tâm Dữ liệu quốc gia thực hiện điều phối việc chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu về di cư thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.

3. Trường hợp dữ liệu từ các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này chưa được kết nối, chia sẻ, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu về di cư được thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu theo phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu phù hợp với quy định của pháp luật về dữ liệu. Sau khi dữ liệu được kết nối, chia sẻ, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, việc chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu về di cư được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp dữ liệu chưa đáp ứng điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu tự động, cơ quan chủ quản dữ liệu thực hiện chuẩn hóa, số hóa (nếu có), chuyển đổi dữ liệu sang dạng điện tử và chia sẻ dưới dạng tệp dữ liệu điện tử hoặc phương thức phù hợp khác thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu theo quy định của pháp luật. Việc chuẩn hóa, số hóa, chuyển đổi và chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm an ninh dữ liệu, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp nguồn dữ liệu quy định tại Điều 7 Nghị định này chưa được xây dựng, hoàn thiện, chưa được đưa vào vận hành chính thức hoặc chưa có đầy đủ dữ liệu theo phạm vi quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, việc chia sẻ được thực hiện đối với dữ liệu đã được tạo lập, quản lý và sẵn sàng chia sẻ theo quy định của pháp luật, bằng phương thức phù hợp với mức độ sẵn sàng của nguồn dữ liệu. Khi dữ liệu tại nguồn được tạo lập, bổ sung và đáp ứng điều kiện kết nối, chia sẻ, cơ quan chủ quản dữ liệu thực hiện kết nối, chia sẻ, cập nhật dữ liệu theo phạm vi, phương thức và tần suất quy định tại Nghị định này.

6. Dữ liệu do cơ quan, tổ chức cung cấp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định này được tiếp nhận dưới dạng dữ liệu điện tử hoặc được số hóa từ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật. Trường hợp cơ quan, tổ chức có hệ thống thông tin đáp ứng điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu thì việc kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về di cư được thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu theo quy định của pháp luật.

7. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu về di cư phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dữ liệu được kết nối, chia sẻ đúng phạm vi, mục đích, thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

b) Cơ quan chủ quản dữ liệu chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, thống nhất và toàn vẹn của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về di cư. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu về di cư không làm thay đổi giá trị pháp lý của dữ liệu tại nguồn và trách nhiệm quản lý của cơ quan chủ quản dữ liệu;

c) Dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước được kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về cơ yếu và pháp luật có liên quan;

d) Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm an ninh dữ liệu, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước và khả năng truy vết trong quá trình kết nối, chia sẻ. Trường hợp phát hiện nguy cơ mất an ninh, an toàn trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu, cơ quan chủ quản dữ liệu hoặc cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu về di cư tạm dừng kết nối, chia sẻ trong phạm vi cần thiết để xử lý và khôi phục kết nối, chia sẻ sau khi nguy cơ được khắc phục theo quy định của pháp luật;

đ) Cấu trúc thông điệp dữ liệu khi kết nối, chia sẻ, đồng bộ qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu kỹ thuật có liên quan theo quy định của pháp luật, bảo đảm tính tương thích, khả năng xử lý tự động và liên thông giữa các hệ thống thông tin, nền tảng số.

8. Nguyên tắc và tiêu chí xác định tần suất kết nối, chia sẻ dữ liệu:

a) Kết nối, chia sẻ theo thời gian thực áp dụng đối với dữ liệu có tính biến động nhanh, yêu cầu cập nhật tức thời để phục vụ quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, xác định, cập nhật tình trạng di cư, giải quyết thủ tục hành chính hoặc bảo hộ công dân. Việc chia sẻ theo thời gian thực ưu tiên thực hiện theo sự kiện phát sinh, thay đổi hoặc đồng bộ dữ liệu thay đổi, phù hợp với khả năng kết nối của hệ thống;

b) Kết nối, chia sẻ định kỳ áp dụng đối với dữ liệu phát sinh, thay đổi theo kỳ hoặc không yêu cầu cập nhật theo thời gian thực. Đối với dữ liệu thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng nguồn dữ liệu chưa đáp ứng điều kiện kết nối, chia sẻ theo thời gian thực, việc kết nối, chia sẻ được thực hiện định kỳ cho đến khi đáp ứng điều kiện kết nối, chia sẻ theo thời gian thực. Tần suất chia sẻ định kỳ được xác định trên cơ sở tính chất, mức độ biến động của dữ liệu, yêu cầu cập nhật và khả năng kết nối, chia sẻ của nguồn dữ liệu;

c) Kết nối, chia sẻ theo yêu cầu áp dụng đối với dữ liệu chỉ cần chia sẻ khi phát sinh yêu cầu nghiệp vụ hoặc để phục vụ đối soát, xác minh, xử lý vụ việc cụ thể. Đối với dữ liệu cá nhân nhạy cảm và dữ liệu có yêu cầu hạn chế khai thác, việc chia sẻ được thực hiện theo mục đích, phạm vi, thẩm quyền và điều kiện theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất kết nối, chia sẻ đối với các nguồn dữ liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này được xác định cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

9. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết quy trình, yêu cầu kỹ thuật về kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu về di cư; việc thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo các tần suất quy định tại khoản 8 Điều này và các nội dung kỹ thuật cần thiết để thực hiện Điều này, phù hợp với quy định của pháp luật về dữ liệu.

Điều 9. Tạo lập dữ liệu về di cư, hình thành và cập nhật hồ sơ di cư điện tử

1. Tình trạng di cư được xác định như sau:

a) Công dân Việt Nam được xác định có tình trạng di cư khi xuất cảnh Việt Nam và cư trú tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ ở nước ngoài trong phần lớn thời gian của 12 tháng liên tiếp, tương ứng với thời gian cư trú thực tế từ 06 tháng và 01 ngày trở lên hoặc có đủ căn cứ xác định thời gian dự kiến cư trú tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó từ 06 tháng và 01 ngày trở lên;

b) Người nước ngoài được xác định có tình trạng di cư khi nhập cảnh Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong phần lớn thời gian của 12 tháng liên tiếp, tương ứng với thời gian cư trú thực tế từ 06 tháng và 01 ngày trở lên hoặc có đủ căn cứ xác định thời gian dự kiến cư trú tại Việt Nam từ 06 tháng và 01 ngày trở lên;

c) Thời gian cư trú thực tế quy định tại điểm a và điểm b khoản này được xác định dựa trên dữ liệu về xuất cảnh, nhập cảnh và thông tin, dữ liệu có liên quan từ các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này. Trường hợp cá nhân tạm thời rời quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi đang cư trú mà có đủ căn cứ xác định cá nhân vẫn tiếp tục cư trú tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó thì việc tạm thời vắng mặt không làm chấm dứt việc cư trú; khoảng thời gian tạm thời vắng mặt không được tính vào thời gian cư trú thực tế;

d) Thời gian dự kiến cư trú quy định tại điểm a và điểm b khoản này được xác định từ thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này, được thu nhận từ các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này, trong đó thể hiện thời hạn dự kiến cư trú hoặc có đủ căn cứ để xác định thời gian dự kiến cư trú của cá nhân ở nước ngoài hoặc tại Việt Nam;

đ) Không xác định tình trạng di cư đối với việc di chuyển qua biên giới quốc gia mang tính tạm thời, không làm thay đổi quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi cư trú, bao gồm du lịch, thăm viếng, công tác, hành hương, khám bệnh, chữa bệnh, quá cảnh và các trường hợp di chuyển tạm thời khác;

e) Không xác định tình trạng di cư đối với viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự chuyên nghiệp nước ngoài và thành viên gia đình họ; thành viên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan đại diện; thành viên lực lượng vũ trang Việt Nam được cử đi thực hiện nhiệm vụ ở nước ngoài và vợ hoặc chồng, con chưa thành niên đi theo.

2. Việc xác định tình trạng di cư và tạo lập dữ liệu về di cư được thực hiện như sau:

a) Dữ liệu được thu nhận từ các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này có thông tin về lao động, học tập, đầu tư, đoàn tụ gia đình, kết hôn có yếu tố nước ngoài, con nuôi có yếu tố nước ngoài hoặc thông tin khác về việc cư trú của cá nhân ở nước ngoài hoặc tại Việt Nam, cùng các thông tin, dữ liệu có liên quan của cá nhân đó thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này, được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về di cư theo phương thức quy định tại Điều 8 Nghị định này. Cơ sở dữ liệu về di cư đối soát dữ liệu này với dữ liệu về xuất cảnh, nhập cảnh từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh để xác định tình trạng di cư theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Dữ liệu về các trường hợp công dân Việt Nam xuất cảnh và chưa nhập cảnh trở lại Việt Nam hoặc người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam và chưa xuất cảnh khỏi Việt Nam, có thời gian đáp ứng quy định khoản 1 Điều này được kết nối, chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh với Cơ sở dữ liệu về di cư theo phương thức quy định tại Điều 8 Nghị định này. Cơ sở dữ liệu về di cư đối soát dữ liệu này với dữ liệu từ các nguồn có liên quan quy định tại Điều 7 Nghị định này để xác định tình trạng di cư theo khoản 1 Điều này;

c) Dữ liệu quy định tại điểm a và điểm b khoản này được đối soát, xử lý để loại trừ các trường hợp không xác định tình trạng di cư quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này. Đối với các trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, dữ liệu về hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và công tác lễ tân nhà nước do Bộ Ngoại giao quản lý được sử dụng để đối soát. Dữ liệu được nhận diện, liên kết để xác định dữ liệu thuộc cùng một cá nhân và xử lý dữ liệu trùng lặp. Việc chưa xác định được quốc gia, vùng lãnh thổ nơi cư trú, mục đích di cư không loại trừ việc xác định tình trạng di cư nếu có đủ căn cứ theo khoản 1 Điều này. Trường hợp dữ liệu chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc chưa đủ căn cứ xác định tình trạng di cư, việc đối soát, xác minh và xử lý được thực hiện theo Điều 10 Nghị định này;

d) Tình trạng di cư được xác định tại thời điểm có đủ căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thời điểm bắt đầu lần di cư được xác định là ngày xuất cảnh Việt Nam đối với công dân Việt Nam hoặc ngày nhập cảnh Việt Nam đối với người nước ngoài tương ứng với lần di cư đó, kể cả trường hợp tình trạng di cư được xác định sau thời điểm này;

đ) Sau khi tình trạng di cư được xác định, Cơ sở dữ liệu về di cư tạo lập dữ liệu về tình trạng di cư và quá trình di cư của cá nhân quy định tại điểm i khoản 1 Điều 6 Nghị định này. Dữ liệu được tạo lập trên cơ sở kết quả nhận diện, liên kết, ánh xạ, đối soát thông tin, dữ liệu từ các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này và được cập nhật trong quá trình di cư theo quy định tại Điều này và Điều 10 Nghị định này.

3. Mục đích di cư được xác định, cập nhật như sau:

a) Mục đích di cư được xác định trên cơ sở thông tin, dữ liệu từ các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này;

b) Trường hợp có thông tin về nhiều mục đích hoặc mục đích di cư thay đổi trong cùng một lần di cư, mục đích và thời điểm thay đổi được cập nhật theo dữ liệu từ các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này và quản lý theo lịch sử dữ liệu;

c) Trường hợp chưa có đủ thông tin, dữ liệu để xác định mục đích di cư thì việc chưa xác định được mục đích không làm thay đổi kết quả xác định tình trạng di cư khi đã đủ căn cứ theo khoản 1 Điều này.

4. Hồ sơ di cư điện tử được hình thành và cập nhật như sau:

a) Khi cá nhân được xác định có tình trạng di cư theo khoản 1 và khoản 2 Điều này, Cơ sở dữ liệu về di cư hình thành hồ sơ di cư điện tử tương ứng với lần di cư đó;

b) Hồ sơ di cư điện tử ghi nhận dữ liệu về tình trạng di cư và quá trình di cư của cá nhân quy định tại điểm i khoản 1 Điều 6 Nghị định này và các thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này đã được thu nhận, ánh xạ, liên kết với cá nhân, trong đó dữ liệu có liên quan đến từng lần di cư được gắn với lần di cư tương ứng. Trường hợp chưa xác định được quốc gia, vùng lãnh thổ nơi cư trú hoặc mục đích di cư, thông tin này được cập nhật khi có dữ liệu từ các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này;

c) Hồ sơ di cư điện tử được cập nhật khi thông tin, dữ liệu có liên quan đến cá nhân trong quá trình di cư được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;

d) Một cá nhân có thể có nhiều hồ sơ di cư điện tử tương ứng với các lần di cư khác nhau. Các hồ sơ di cư điện tử của cùng một cá nhân được nhận diện, liên kết để quản lý quá trình di cư;

đ) Lần di cư kết thúc khi có đủ căn cứ xác định cá nhân đã chấm dứt việc cư trú ở nước ngoài đối với công dân Việt Nam hoặc tại Việt Nam đối với người nước ngoài. Việc xuất cảnh, nhập cảnh không đương nhiên làm kết thúc lần di cư nếu có đủ căn cứ xác định cá nhân vẫn đang cư trú ở nước ngoài hoặc tại Việt Nam;

e) Trường hợp cá nhân chết trong thời gian di cư, lần di cư kết thúc tại thời điểm chết theo thông tin, dữ liệu từ các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này;

g) Trường hợp cá nhân đang có tình trạng di cư mà sau đó thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này thì lần di cư kết thúc tại thời điểm phát sinh trường hợp đó.

5. Việc tạo lập dữ liệu về di cư và hình thành hồ sơ di cư điện tử phải bảo đảm:

a) Đối soát, xác thực dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan; việc tạo lập dữ liệu về di cư không làm thay đổi giá trị pháp lý của dữ liệu tại nguồn và trách nhiệm quản lý của cơ quan chủ quản dữ liệu;

b) Dữ liệu về di cư của mỗi cá nhân có mã định danh đối tượng; số định danh cá nhân được sử dụng làm mã định danh đối tượng đối với cá nhân có số định danh cá nhân;

c) Sử dụng mã khóa định danh theo quy định của pháp luật về dữ liệu để nhận diện, liên kết, ánh xạ dữ liệu thuộc cùng một cá nhân giữa các nguồn dữ liệu và xử lý dữ liệu trùng lặp;

d) Sử dụng thống nhất Danh mục dữ liệu dùng chung quốc gia theo quy định của pháp luật về dữ liệu.

6. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết quy tắc nghiệp vụ về khoảng thời gian 12 tháng liên tiếp; thời gian cư trú thực tế, thời gian dự kiến cư trú; việc tiếp tục cư trú trong thời gian tạm thời vắng mặt; thời gian cư trú thực tế trong trường hợp có nhiều lần xuất cảnh, nhập cảnh; thời điểm bắt đầu, kết thúc lần di cư; xác định, cập nhật quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi cư trú, mục đích di cư; nhận diện các trường hợp quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này; nhận diện, liên kết, ánh xạ dữ liệu; xử lý dữ liệu trùng lặp; hình thành, liên kết và cập nhật hồ sơ di cư điện tử theo quy định tại Điều này. Các quy tắc nghiệp vụ không làm thay đổi tiêu chí xác định tình trạng di cư quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Trường hợp tiêu chuẩn thống kê quốc tế về di cư được Việt Nam áp dụng có thay đổi liên quan đến tiêu chí xác định tình trạng di cư, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng.

Điều 10. Cập nhật và bảo đảm chất lượng dữ liệu

1. Việc cập nhật dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Dữ liệu được cập nhật phải chính xác, hợp lệ, toàn vẹn, đầy đủ, kịp thời, thống nhất, có khả năng truy xuất nguồn gốc, truy vết và bảo đảm tính duy nhất sau khi nhận diện, liên kết, xử lý dữ liệu trùng lặp;

b) Dữ liệu được thu nhận, ánh xạ từ các nguồn dữ liệu quy định tại Điều 7 Nghị định này được cập nhật theo dữ liệu tại các nguồn dữ liệu đó; dữ liệu về di cư và hồ sơ di cư điện tử được tạo lập, hình thành trong Cơ sở dữ liệu về di cư được cập nhật tương ứng khi thông tin, dữ liệu có liên quan được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh;

c) Việc cập nhật dữ liệu không làm thay đổi giá trị pháp lý của dữ liệu tại nguồn dữ liệu được chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về di cư và trách nhiệm quản lý của cơ quan chủ quản dữ liệu đó;

d) Việc cập nhật, điều chỉnh và xử lý dữ liệu phải bảo đảm lưu giữ lịch sử thay đổi, xác định được dữ liệu trước và sau khi cập nhật, điều chỉnh, thời điểm, nguồn dữ liệu và kết quả kiểm tra, đối soát, xác minh có liên quan.

2. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư được cập nhật trong các trường hợp sau:

a) Dữ liệu tại các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này sau khi chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về di cư đã được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh tại nguồn dữ liệu đó;

b) Cơ quan chủ quản dữ liệu hoặc cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu phát hiện dữ liệu đã chia sẻ, cung cấp cho Cơ sở dữ liệu về di cư không đầy đủ, không chính xác, không thống nhất hoặc có sai lệch;

c) Qua rà soát, Bộ Ngoại giao phát hiện dữ liệu không đầy đủ, không chính xác, không thống nhất hoặc có sai lệch cần được kiểm tra, đối soát, xác minh;

d) Cơ quan, tổ chức trong quá trình khai thác, sử dụng hoặc được cung cấp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về di cư phát hiện dữ liệu không đầy đủ, không chính xác, không thống nhất hoặc có sai lệch đối với dữ liệu không thuộc phạm vi quản lý hoặc không do mình cung cấp;

đ) Chủ thể dữ liệu cá nhân yêu cầu kiểm tra, chỉnh sửa, cập nhật thông tin, dữ liệu của mình theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 12 Nghị định này.

3. Việc cập nhật dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, cơ quan chủ quản dữ liệu hoặc cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu đã được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh với Cơ sở dữ liệu về di cư theo phương thức quy định tại Điều 8 Nghị định này. Cơ sở dữ liệu về di cư cập nhật tương ứng dữ liệu về di cư và hồ sơ di cư điện tử có liên quan;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, cơ quan chủ quản dữ liệu hoặc cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu thực hiện kiểm tra, đối soát, xác minh đối với dữ liệu thuộc phạm vi quản lý hoặc dữ liệu do mình cung cấp và thông báo kết quả cho Bộ Ngoại giao;

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, Bộ Ngoại giao thông báo cho cơ quan chủ quản dữ liệu hoặc cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu để kiểm tra, đối soát, xác minh;

d) Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này, cơ quan, tổ chức thông báo cho Bộ Ngoại giao; Bộ Ngoại giao thông báo cho cơ quan chủ quản dữ liệu hoặc cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu để kiểm tra, đối soát, xác minh;

đ) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này, Bộ Ngoại giao tiếp nhận yêu cầu của chủ thể dữ liệu cá nhân theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định này; việc kiểm tra, đối soát, xác minh, xử lý và cập nhật dữ liệu

được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này và pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

e) Đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này, dữ liệu được cập nhật trên cơ sở kết quả kiểm tra, đối soát, xác minh theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Việc kiểm tra, đối soát, xác minh và xử lý dữ liệu được thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm c, điểm d và điểm đ khoản 2 Điều này, cơ quan chủ quản dữ liệu hoặc cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu có trách nhiệm kiểm tra, đối soát, xác minh dữ liệu thuộc phạm vi quản lý hoặc cung cấp và thông báo kết quả cho Bộ Ngoại giao. Đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, thời hạn thực hiện là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Ngoại giao; trường hợp cần kéo dài thời gian xác minh thì thông báo cho Bộ Ngoại giao, nêu rõ lý do và thời gian dự kiến hoàn thành. Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này, thời hạn thực hiện và việc gia hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

b) Đối với dữ liệu do cơ quan chủ quản dữ liệu chia sẻ, việc kiểm tra, đối soát, xác minh được thực hiện tại nguồn dữ liệu. Trường hợp dữ liệu có thông tin từ nguồn dữ liệu gốc quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này thì nguồn dữ liệu gốc là căn cứ để kiểm tra, đối soát, xác minh và cập nhật dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư. Trường hợp qua kiểm tra, đối soát, xác minh xác định dữ liệu tại nguồn cần được cập nhật, điều chỉnh, cơ quan chủ quản dữ liệu thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật chuyên ngành;

c) Đối với dữ liệu do cơ quan, tổ chức cung cấp, cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm kiểm tra, đối soát, xác minh dữ liệu đã cung cấp. Trường hợp dữ liệu có thông tin từ nguồn dữ liệu gốc quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này hoặc có thông tin thuộc phạm vi quản lý của cơ quan chủ quản dữ liệu khác, việc kiểm tra, đối soát, xác minh được thực hiện thông qua đối soát với dữ liệu tại nguồn dữ liệu gốc hoặc phối hợp với cơ quan chủ quản dữ liệu có liên quan;

d) Sau khi kiểm tra, đối soát, xác minh, dữ liệu được cập nhật, điều chỉnh tại nguồn được chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về di cư theo phương thức quy định tại Điều 8 Nghị định này. Cơ sở dữ liệu về di cư cập nhật tương ứng dữ liệu về di cư và hồ sơ di cư điện tử có liên quan. Trường hợp cùng một thông tin được cung cấp từ nhiều nguồn dữ liệu mà chưa thống nhất, dữ liệu tại nguồn dữ liệu gốc quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này được sử dụng làm căn cứ cập nhật Cơ sở dữ liệu về di cư. Trường hợp không có thông tin từ nguồn dữ liệu gốc hoặc sau khi kiểm tra, đối soát, xác minh mà dữ liệu chưa thống nhất giữa các nguồn hoặc vẫn chưa xác định được dữ liệu chính xác, cơ quan chủ quản dữ liệu hoặc cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu thông báo cho Bộ Ngoại giao về kết quả, nguyên nhân và tiếp tục phối hợp với cơ quan liên quan để xác minh, xử lý. Trong thời

gian chưa có kết quả xác minh, dữ liệu có liên quan trong Cơ sở dữ liệu về di cư được đánh dấu trạng thái cần xác minh; việc khai thác, sử dụng dữ liệu được thực hiện phù hợp với trạng thái của dữ liệu;

đ) Trường hợp chưa có đủ thông tin, dữ liệu cần thiết để xác định tình trạng di cư hoặc hình thành, cập nhật hồ sơ di cư điện tử, Bộ Ngoại giao đề nghị các bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan xác minh thông tin, dữ liệu trong trường hợp cần thiết. Cơ quan được đề nghị xác minh có trách nhiệm kiểm tra, đối soát thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý hoặc lưu giữ. Trường hợp nội dung cần xác minh thuộc thông tin có nguồn dữ liệu gốc quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này hoặc thuộc phạm vi quản lý của cơ quan khác thì việc xác minh được thực hiện trên cơ sở đối soát với nguồn dữ liệu gốc hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Ngoại giao, cơ quan được đề nghị xác minh có trách nhiệm thông báo kết quả cho Bộ Ngoại giao; trường hợp cần kéo dài thời gian xác minh thì thông báo cho Bộ Ngoại giao, nêu rõ lý do và thời gian dự kiến hoàn thành. Bộ Ngoại giao đối soát kết quả xác minh với thông tin, dữ liệu có liên quan trong Cơ sở dữ liệu về di cư và từ các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này trước khi sử dụng để xác định tình trạng di cư, hình thành, cập nhật hồ sơ di cư điện tử theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. Kết quả xác minh được ghi nhận trong Cơ sở dữ liệu về di cư và không thay thế dữ liệu tại nguồn;

e) Cơ quan được đề nghị xác minh theo quy định tại điểm đ khoản này có trách nhiệm chỉ định đầu mối phối hợp với Bộ Ngoại giao thực hiện việc xác minh;

g) Việc gửi, tiếp nhận thông báo, đề nghị và kết quả kiểm tra, đối soát, xác minh giữa Bộ Ngoại giao với cơ quan chủ quản dữ liệu, cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu và cơ quan được đề nghị xác minh được thực hiện thông qua chức năng nghiệp vụ của Cơ sở dữ liệu về di cư, hệ thống thông tin có liên quan, hệ thống quản lý văn bản và điều hành hoặc bằng phương thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật; bảo đảm xác định được thời điểm gửi, nhận và theo dõi được quá trình xử lý.

5. Cơ quan chủ quản dữ liệu, cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu chịu trách nhiệm về dữ liệu thuộc phạm vi quản lý hoặc do mình cung cấp theo quy định của pháp luật; không chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu do cơ quan, tổ chức khác quản lý.

6. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết quy trình kiểm tra, đối soát, xác minh, xử lý, cập nhật dữ liệu quy định tại Điều này; việc thực hiện các phương thức gửi, tiếp nhận thông báo, đề nghị và kết quả kiểm tra, đối soát, xác minh quy định tại khoản 4 Điều này; việc ghi nhận, theo dõi trạng thái xử lý và các yêu cầu kỹ thuật có liên quan.

Điều 11. Quản lý vòng đời dữ liệu

1. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư được quản lý trong toàn bộ vòng đời từ khi được thu nhận, tạo lập đến khi được hủy theo quy định của pháp luật, bao gồm các hoạt động: thu nhận, tạo lập; chuẩn hóa, cập nhật; lưu trữ; khai thác, sử dụng, chia sẻ; rà soát và hủy dữ liệu.

2. Việc quản lý vòng đời dữ liệu phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Dữ liệu được quản lý liên tục, toàn vẹn, an ninh, an toàn trong toàn bộ vòng đời;

b) Việc thu nhận, tạo lập, chuẩn hóa, cập nhật, lưu trữ, khai thác, sử dụng, chia sẻ, rà soát và hủy dữ liệu được thực hiện phù hợp với tính chất, mức độ bảo vệ của dữ liệu và tuân thủ quy định của pháp luật áp dụng đối với loại dữ liệu đó, bao gồm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan;

c) Quá trình quản lý vòng đời dữ liệu phải được ghi nhận trong nhật ký hệ thống, bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc, xác định thời điểm, lịch sử xử lý, kiểm tra, giám sát và xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các hoạt động quản lý vòng đời dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Thu nhận, tạo lập dữ liệu: Dữ liệu được thu nhận từ các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này theo phương thức quy định tại Điều 8 Nghị định này; dữ liệu về di cư được tạo lập và hồ sơ di cư điện tử được hình thành theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;

b) Chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu: Dữ liệu được chuẩn hóa, cập nhật và bảo đảm chất lượng theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;

c) Lưu trữ dữ liệu: Dữ liệu được tổ chức lưu trữ phù hợp với trạng thái, giá trị sử dụng và thời hạn lưu trữ, bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc và lịch sử thay đổi của dữ liệu;

d) Khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu: Dữ liệu được khai thác, sử dụng, chia sẻ theo đúng mục đích, thẩm quyền, phạm vi và phương thức quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;

đ) Rà soát, hủy dữ liệu: Dữ liệu không thuộc trường hợp lưu trữ vĩnh viễn được rà soát để xác định việc tiếp tục lưu trữ hoặc hủy theo quy định tại Điều này.

4. Thời hạn lưu trữ dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư được xác định căn cứ vào các tiêu chí sau đây:

a) Loại dữ liệu, nguồn hình thành và mục đích thu nhận, tạo lập, xử lý dữ liệu;

b) Trạng thái và giá trị sử dụng của dữ liệu đối với việc xác định tình trạng di cư, tạo lập, cập nhật dữ liệu về di cư, hình thành, cập nhật hồ sơ di cư điện tử;

c) Yêu cầu lưu giữ lịch sử dữ liệu, truy xuất nguồn gốc, đối soát, xác minh, kiểm tra, giám sát, thống kê, phân tích, dự báo và phục vụ quản lý nhà nước về di cư;

d) Tính chất, mức độ bảo vệ của dữ liệu và yêu cầu bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, truy vết hoạt động, xác định trách nhiệm;

đ) Thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại dữ liệu có liên quan.

5. Thời hạn lưu trữ dữ liệu đối với từng loại dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư được thực hiện như sau:

a) Dữ liệu về di cư và dữ liệu được ghi nhận trong hồ sơ di cư điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định này được lưu trữ vĩnh viễn trong Cơ sở dữ liệu về di cư;

b) Dữ liệu đang được đối soát, xác minh, xử lý để xác định tình trạng di cư, tạo lập, cập nhật dữ liệu về di cư, hình thành, cập nhật hồ sơ di cư điện tử được lưu trữ trong thời hạn cần thiết để thực hiện việc đối soát, xác minh, xử lý; thời hạn lưu trữ cụ thể được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều này;

c) Sau khi có kết quả đối soát, xác minh, xử lý, dữ liệu được ghi nhận trong hồ sơ di cư điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định này được lưu trữ theo quy định tại điểm a khoản này. Thông tin, dữ liệu thu nhận hoặc được cung cấp để phục vụ việc đối soát, xác minh, xử lý nhưng không được ghi nhận trong hồ sơ di cư điện tử được lưu trữ theo thời hạn quy định tại khoản 7 Điều này, căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều này;

d) Dữ liệu thống kê, tổng hợp, phân tích, dự báo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 6 Nghị định này được lưu trữ theo thời hạn quy định tại khoản 7 Điều này, căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều này và quy định của pháp luật về thống kê, lưu trữ;

đ) Dữ liệu nhật ký hệ thống được lưu trữ theo thời hạn quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật chưa quy định thời hạn cụ thể thì thời hạn lưu trữ cụ thể được xác định theo quy định tại khoản 7 Điều này, căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Dữ liệu không thuộc trường hợp lưu trữ vĩnh viễn quy định tại điểm a khoản 5 Điều này được rà soát khi hết thời hạn lưu trữ để xác định việc tiếp tục lưu trữ khi còn căn cứ, mục đích xử lý theo quy định của pháp luật hoặc hủy. Việc hủy dữ liệu phải bảo đảm an toàn, không thể khôi phục dữ liệu đã hủy, được ghi

nhận trong nhật ký hệ thống và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan. Đối với dữ liệu cá nhân, dữ liệu có chứa bí mật nhà nước và dữ liệu thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành, việc hủy được thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng. Việc hủy dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư không làm thay đổi dữ liệu tại nguồn và trách nhiệm quản lý của cơ quan chủ quản dữ liệu.

7. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết quy trình quản lý vòng đời dữ liệu; quy trình kỹ thuật về lưu trữ dữ liệu; việc tổ chức lưu trữ, chuyển trạng thái, rà soát, thẩm quyền và trình tự hủy dữ liệu; thời hạn lưu trữ cụ thể đối với dữ liệu không thuộc trường hợp lưu trữ vĩnh viễn quy định tại điểm a khoản 5 Điều này, phù hợp với các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều này và quy định của pháp luật có liên quan. Việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu hình thành trong quá trình quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về di cư thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Mục 2

KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN DỮ LIỆU

Điều 12. Khai thác, sử dụng, cung cấp và chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về di cư

1. Cơ sở dữ liệu về di cư được khai thác, sử dụng phục vụ quản lý nhà nước về di cư; chỉ đạo, điều hành; hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật; thống kê, phân tích, dự báo; giải quyết thủ tục hành chính và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ thể khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về di cư bao gồm:

a) Bộ Ngoại giao và các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan nhà nước khác để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật;

c) Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

3. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu của các chủ thể quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện trong phạm vi cần thiết, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mục đích khai thác, phạm vi phân quyền truy cập theo quy định tại Điều 13 Nghị định này và quy định của pháp luật áp dụng đối với loại dữ liệu được khai thác, sử dụng. Cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này được khai thác, sử dụng dữ liệu theo phạm vi phân quyền truy cập, phù hợp với nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thuộc các chủ thể quy định tại khoản 2 Điều này được cung cấp thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định của pháp luật.

5. Chủ thể dữ liệu cá nhân thực hiện quyền đối với dữ liệu cá nhân của mình trong Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật có liên quan, trong đó có các quyền sau đây:

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu của mình trong Cơ sở dữ liệu về di cư;

b) Được yêu cầu kiểm tra, chỉnh sửa, cập nhật thông tin, dữ liệu của mình khi phát hiện hoặc có căn cứ cho rằng thông tin, dữ liệu không chính xác hoặc chưa đầy đủ.

6. Việc yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu và việc yêu cầu kiểm tra, chỉnh sửa, cập nhật thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 5 Điều này phải được thể hiện bằng văn bản, bao gồm cả dạng điện tử hoặc định dạng kiểm chứng được và gửi đến Bộ Ngoại giao. Việc tiếp nhận, xử lý yêu cầu được thực hiện như sau:

a) Đối với dữ liệu về di cư được tạo lập trong Cơ sở dữ liệu về di cư, Bộ Ngoại giao thực hiện kiểm tra, xử lý và cập nhật theo thẩm quyền;

b) Đối với dữ liệu được thu nhận, ánh xạ từ các nguồn dữ liệu quy định tại Điều 7 Nghị định này, Bộ Ngoại giao tiếp nhận, kiểm tra và phối hợp với cơ quan chủ quản dữ liệu hoặc cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu để kiểm tra, đối soát, xác minh và xử lý theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;

c) Việc xử lý yêu cầu của chủ thể dữ liệu cá nhân phải bảo đảm thời hạn theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

7. Trường hợp pháp luật quy định việc sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về di cư để giải quyết thủ tục hành chính hoặc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, việc khai thác, sử dụng, cung cấp dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với thủ tục hành chính, chức năng, nhiệm vụ đó và pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

8. Bộ Ngoại giao cung cấp, chia sẻ dữ liệu về di cư được tạo lập trong Cơ sở dữ liệu về di cư và dữ liệu tổng hợp, thống kê, phân tích, dự báo theo quy định của pháp luật. Đối với dữ liệu được thu nhận, ánh xạ từ các nguồn dữ liệu quy định tại Điều 7 Nghị định này, việc cung cấp, chia sẻ lại được thực hiện theo quy định của pháp luật và phạm vi chia sẻ do cơ quan chủ quản dữ liệu hoặc cơ quan, tổ chức cung cấp dữ liệu xác định theo thẩm quyền. Việc thu nhận, ánh xạ dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về di cư không làm thay đổi thẩm quyền quản lý, cung cấp, chia sẻ dữ liệu của cơ quan, tổ chức có liên quan.

9. Cơ sở dữ liệu về di cư là một trong các nguồn dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về người Việt Nam ở nước ngoài. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu về di cư và Cơ sở dữ liệu về người Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật.

10. Việc cung cấp, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về di cư cho cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế chỉ được thực hiện khi có căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; phải xác định rõ mục đích, đối tượng tiếp nhận, loại và phạm vi dữ liệu được cung cấp, chia sẻ, bảo đảm yêu cầu về bảo mật, bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật. Trường hợp mục đích cung cấp, chia sẻ không yêu cầu xác định danh tính cá nhân thì ưu tiên sử dụng dữ liệu tổng hợp, thống kê hoặc dữ liệu đã được ẩn danh theo quy định của pháp luật. Trường hợp việc cung cấp, chia sẻ dữ liệu có hoạt động chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới, việc chuyển, xử lý dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật có liên quan.

11. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết quy trình tiếp nhận, xử lý yêu cầu thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân đối với dữ liệu cá nhân trong Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Phương thức khai thác và phân quyền truy cập Cơ sở dữ liệu về di cư

1. Việc khai thác Cơ sở dữ liệu về di cư được thực hiện theo các phương thức sau:

a) Kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu bằng giao diện lập trình ứng dụng (API), dịch vụ chia sẻ dữ liệu hoặc phương thức kết nối phù hợp khác theo quy định của pháp luật;

b) Tra cứu, khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu về di cư thông qua tài khoản được cấp và phân quyền truy cập;

c) Khai thác thông qua Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo quy định của pháp luật;

d) Thông qua văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Việc phân quyền truy cập Cơ sở dữ liệu về di cư phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Phân quyền truy cập được xác định theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức; vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người sử dụng; mục đích khai thác và phạm vi dữ liệu được phép khai thác; bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức;

b) Phạm vi phân quyền truy cập chỉ bao gồm dữ liệu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ và mục đích khai thác được xác định theo điểm a khoản này;

c) Người sử dụng phải được xác thực danh tính trước khi truy cập Cơ sở dữ liệu về di cư; quyền truy cập được điều chỉnh khi có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, vị trí, vai trò, mục đích hoặc phạm vi khai thác và được thu hồi khi không còn căn cứ khai thác;

d) Việc phân quyền truy cập phải phù hợp với phạm vi, mức độ bảo vệ và yêu cầu quản lý đối với từng loại dữ liệu theo quy định của pháp luật.

3. Hoạt động truy cập, khai thác, sử dụng dữ liệu phải được kiểm soát theo phạm vi phân quyền truy cập và ghi nhận nhật ký trên hệ thống, bảo đảm xác định được người sử dụng, thời điểm truy cập, phạm vi dữ liệu được khai thác và hoạt động thực hiện trên dữ liệu; bảo đảm khả năng kiểm tra, giám sát, truy vết và xác định trách nhiệm.

4. Không cấp quyền truy cập hoặc từ chối yêu cầu khai thác dữ liệu trong trường hợp việc khai thác không đúng thẩm quyền, mục đích, phạm vi, không đáp ứng điều kiện khai thác hoặc thuộc trường hợp không được khai thác theo quy định của pháp luật.

5. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết việc phân quyền truy cập; cấp, điều chỉnh, thu hồi quyền truy cập; phạm vi, nhóm dữ liệu được khai thác theo nhóm cơ quan, tổ chức, người sử dụng; quản lý tài khoản; quy trình kỹ thuật về truy cập, truy xuất dữ liệu và các yêu cầu kỹ thuật đối với việc khai thác Cơ sở dữ liệu về di cư; trong đó xác định nhóm dữ liệu tối thiểu mà cơ quan đầu mối về đối ngoại thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được khai thác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 14. Báo cáo, thống kê, phân tích và dự báo về di cư

1. Báo cáo, số liệu thống kê, kết quả phân tích, dự báo về di cư được tạo lập từ Cơ sở dữ liệu về di cư để phục vụ quản lý nhà nước; chỉ đạo, điều hành; hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo, thống kê về di cư được thực hiện bằng phương thức điện tử. Thông tin, dữ liệu đã có trong Cơ sở dữ liệu về di cư được khai thác, sử dụng để thực hiện báo cáo, thống kê; không yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp lại thông tin, dữ liệu đó.

3. Báo cáo, số liệu thống kê, kết quả phân tích, dự báo được tạo lập phù hợp với mục đích, phạm vi khai thác, sử dụng dữ liệu. Trường hợp báo cáo, số liệu thống kê, kết quả phân tích, dự báo có chứa dữ liệu cá nhân, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc dữ liệu có yêu cầu hạn chế khai thác, sử dụng, việc khai thác, sử dụng, cung cấp, chia sẻ phải phù hợp với phạm vi khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật và phạm vi phân quyền truy cập tại Cơ sở dữ liệu về di cư. Trường hợp không thuộc phạm vi được khai thác, sử dụng dữ liệu chi tiết,

dữ liệu phải được ẩn danh, tổng hợp, che giấu hoặc áp dụng biện pháp bảo vệ phù hợp trước khi cung cấp, chia sẻ.

4. Bộ Ngoại giao tổ chức thực hiện báo cáo phục vụ quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về di cư, bao gồm tình hình kết nối, chia sẻ, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu; chất lượng dữ liệu; an toàn, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật.

5. Việc khai thác, sử dụng, cung cấp, chia sẻ báo cáo, số liệu thống kê, kết quả phân tích, dự báo và báo cáo quy định tại khoản 4 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định này.

6. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết chế độ báo cáo, thống kê về di cư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao.

Điều 15. Bảo đảm an toàn, bảo mật và bảo vệ dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu về di cư phải áp dụng các biện pháp xác thực, kiểm soát truy cập, mã hóa, giám sát và biện pháp bảo vệ phù hợp với tính chất và yêu cầu bảo vệ đối với từng loại dữ liệu và cấp độ an toàn của hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật; phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn việc truy cập, khai thác, sử dụng, cung cấp, chia sẻ, thay đổi hoặc làm mất dữ liệu trái phép.

2. Hoạt động xử lý dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư, bao gồm truy cập, khai thác, sử dụng, cung cấp, chia sẻ dữ liệu, phải được ghi nhận, ký theo quy định của pháp luật. Nhật ký phải được bảo vệ, lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn và khả năng kiểm tra, giám sát, truy vết, xác định trách nhiệm.

3. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm áp dụng các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với hoạt động xử lý trong phạm vi Cơ sở dữ liệu về di cư; kiểm soát việc xử lý dữ liệu cá nhân đúng mục đích, phạm vi, thẩm quyền; thực hiện phân quyền truy cập, giới hạn quyền truy cập đối với dữ liệu cá nhân nhạy cảm; phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và phối hợp xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Cơ sở dữ liệu về di cư phải được giám sát để phát hiện, cảnh báo sớm nguy cơ, rủi ro có thể phát sinh trong quá trình xử lý dữ liệu; kịp thời áp dụng biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý và khắc phục theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về di cư thuộc trường hợp phải thông báo, Bộ Ngoại giao thực hiện việc thông báo và phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

6. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết yêu cầu kỹ thuật về kiểm soát truy cập, ghi nhận và lưu trữ nhật ký, giám sát, cảnh báo, truy vết và các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu trong quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Sao lưu và phục hồi dữ liệu

1. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư phải được sao lưu định kỳ và bảo đảm khả năng phục hồi nhằm duy trì tính toàn vẹn, tính sẵn sàng của dữ liệu và phục hồi hoạt động của Cơ sở dữ liệu về di cư khi xảy ra sự cố.

2. Bản sao lưu dữ liệu phải được bảo vệ an toàn, bảo mật và được kiểm tra khả năng phục hồi định kỳ.

3. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết chu kỳ, phương thức sao lưu, thời hạn lưu giữ bản sao lưu, việc quản lý, bảo vệ, kiểm tra và phục hồi dữ liệu từ bản sao lưu phù hợp với yêu cầu quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về di cư và quy định của pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Chủ trì xây dựng, quản lý, duy trì, vận hành, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về di cư, bảo đảm hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt; tổ chức kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu từ các nguồn dữ liệu quy định tại Điều 7 Nghị định này để phục vụ tạo lập, cập nhật và quản lý dữ liệu về di cư.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan là cơ quan chủ quản dữ liệu tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định tại Nghị định này; phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Chủ trì xây dựng, ban hành theo thẩm quyền kiến trúc, mô hình dữ liệu, Từ điển dữ liệu, khung quản trị, quản lý dữ liệu, danh mục dữ liệu chủ, dữ liệu danh mục dùng chung, danh mục dữ liệu mở và các quy định, quy trình, quy tắc nghiệp vụ, yêu cầu kỹ thuật phục vụ quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định của Nghị định này và pháp luật về dữ liệu; phối hợp với Bộ Công an và các bộ, cơ quan có liên quan đối với các nội dung này theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức mô hình quản trị, quản lý và vận hành dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về di cư; phân công đơn vị đầu mối và các đơn vị có liên quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ về quản trị, quản lý và vận hành dữ liệu phù hợp với Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thực hiện việc chuẩn hóa, cập nhật, rà soát, làm sạch và bảo đảm chất lượng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư; phối hợp với cơ quan chủ quản dữ liệu xác minh, đối soát, xử lý dữ liệu không đầy đủ, không chính xác, không thống nhất hoặc có sai lệch theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cung cấp, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

7. Tổ chức kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu có liên quan giữa Cơ sở dữ liệu về di cư với Cơ sở dữ liệu về người Việt Nam ở nước ngoài để phục vụ quản lý nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức tổng hợp, thống kê, phân tích, dự báo dữ liệu về di cư phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về di cư.

9. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước trong quản trị, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức hướng dẫn, tập huấn, hỗ trợ các bộ, cơ quan, địa phương trong việc rà soát, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu theo quy định tại Nghị định này.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an ninh, an toàn và vận hành hạ tầng kỹ thuật phục vụ Cơ sở dữ liệu về di cư đặt tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

2. Điều phối việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu về di cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin có liên quan thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.

3. Triển khai các biện pháp kỹ thuật bảo vệ hạ tầng, giám sát an ninh mạng, cảnh báo sớm rủi ro, phòng, chống tấn công mạng, ứng cứu sự cố, bảo đảm tính toàn vẹn, tính sẵn sàng và tính bảo mật dữ liệu trong quá trình vận hành Cơ sở dữ liệu về di cư tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

4. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan do Bộ Công an quản lý với Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định tại Nghị định này; phối hợp với Bộ Ngoại giao xác minh, đối soát, xử lý dữ liệu không đầy đủ, không chính xác, không thống nhất hoặc có sai lệch.

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu về quốc tịch, dữ liệu về con nuôi có yếu tố nước ngoài và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan do Bộ Tư pháp quản lý với Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định tại Nghị định này.

2. Chuẩn hóa, cập nhật, bảo đảm chất lượng của dữ liệu do Bộ Tư pháp quản lý cung cấp cho Cơ sở dữ liệu về di cư; phối hợp với Bộ Ngoại giao xác minh, đối soát, xử lý dữ liệu không đầy đủ, không chính xác, không thống nhất hoặc có sai lệch.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Cơ sở dữ liệu người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan do Bộ Nội vụ quản lý với Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định tại Nghị định này.

2. Chuẩn hóa, cập nhật, bảo đảm chất lượng dữ liệu do Bộ Nội vụ quản lý cung cấp cho Cơ sở dữ liệu về di cư; phối hợp với Bộ Ngoại giao xác minh, đối soát, xử lý dữ liệu không đầy đủ, không chính xác, không thống nhất hoặc có sai lệch.

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật, dữ liệu về người nước ngoài học tập tại Việt Nam và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý với Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định tại Nghị định này.

2. Chuẩn hóa, cập nhật, bảo đảm chất lượng dữ liệu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý cung cấp cho Cơ sở dữ liệu về di cư; phối hợp với Bộ Ngoại giao xác minh, đối soát, xử lý dữ liệu không đầy đủ, không chính xác, không thống nhất hoặc có sai lệch.

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước khác có liên quan

1. Cơ quan nhà nước khác quản lý dữ liệu thuộc các nguồn quy định tại Điều 7 Nghị định này có trách nhiệm chuẩn hóa, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu về di cư theo quy định tại Nghị định này.

2. Cơ quan nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, thống nhất và toàn vẹn của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý được cập nhật, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về di cư; phối hợp với Bộ Ngoại giao xác minh, đối soát, xử lý dữ liệu không đầy đủ, không chính xác, không thống nhất hoặc có sai lệch.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân rà soát, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu có liên quan đến di cư thuộc phạm vi quy định tại Điều 6 Nghị định này, được tạo lập, quản lý hoặc thu thập trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu với

Cơ sở dữ liệu về di cư theo phạm vi, phương thức và tần suất quy định tại Nghị định này. Phân công cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về di cư trên địa bàn:

a) Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ và đột xuất về di cư từ các nguồn thông tin, dữ liệu do địa phương tạo lập, quản lý hoặc thu thập hợp pháp trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ mà chưa được tạo lập, quản lý đầy đủ trong các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan, theo quy định của pháp luật về thống kê và quy định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Thông tin, dữ liệu đã có trong Cơ sở dữ liệu về di cư được khai thác, sử dụng để thực hiện báo cáo, thống kê và không yêu cầu cung cấp lại;

b) Số liệu báo cáo phải có căn cứ, có khả năng đối soát, kiểm chứng và xử lý trùng lặp với dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về di cư. Trường hợp cần thiết để đối soát, kiểm chứng hoặc xử lý trùng lặp, thông tin, dữ liệu có liên quan được cung cấp cho Bộ Ngoại giao theo yêu cầu.

3. Tổ chức khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về di cư theo phân quyền truy cập để phục vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý khai thác, sử dụng dữ liệu đúng mục đích, phạm vi quyền truy cập và quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo việc kiểm tra bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất và toàn vẹn của dữ liệu do địa phương tạo lập, quản lý, cung cấp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về di cư; phối hợp với Bộ Ngoại giao xác minh, đối soát, xử lý dữ liệu không đầy đủ, không chính xác, không thống nhất hoặc có sai lệch.

5. Bảo đảm các điều kiện về nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này.

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về di cư

1. Cơ quan, tổ chức kết nối, chia sẻ, cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu về di cư có trách nhiệm bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và chịu trách nhiệm về dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng hoặc được cung cấp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về di cư có trách nhiệm sử dụng dữ liệu đúng mục đích, thẩm quyền và phạm vi được khai thác, sử dụng hoặc cung cấp; thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật; không sao chép, chuyển giao, cung cấp, chia sẻ lại dữ liệu trái quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc khai thác, sử dụng dữ liệu.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Lê Minh Hưng